



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 9.0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

06.05.2021

Ngày in 29.11.2022

theo quy định (EC) số 1907/2006

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm	:	Xylenes
Số Cas	:	1330-20-7
Nhãn hiệu	:	QUANGTRUNGCHEM
REACH số	:	01-2119488216-32-XXXX

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Các hoá chất phòng thí nghiệm, Sản xuất hóa chất

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	:	Công Ty TNHH Sx Tm Quang Trung
Điện thoại	:	09 36 38 32 35
Fax	:	09 36 38 32 35
Địa chỉ e-mail	:	hoachatquangtrung@gmail.com

1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : 09 36 38 32 35

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) No 1272/2008

Chất lỏng dễ cháy (Cấp 3), H226

Độc cấp tính, Hít phải (Cấp 4), H332

Độc cấp tính, Da (Cấp 4), H312

Kích ứng da (Cấp 2), H315

Kích ứng mắt (Cấp 2), H319

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Cấp 3), Hệ hô hấp, H335

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Cấp 2), cơ quan thính giác, H373

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại, Hít phải (Cấp 2), Hệ thần kinh trung ương, Gan, Thận, H373

Nguy hại hô hấp (Cấp 1), H304

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh (Cấp 3), H412

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H226

Hơi và chất lỏng dễ cháy.

H304

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

H312 + H332

Có hại khi tiếp xúc với da hoặc nếu hít phải.

H315

Gây kích ứng da.

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H335

Có thể gây kích ứng hô hấp.

H373

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (cơ quan thính giác) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

H373

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương, Gan, Thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu hít phải.

H412

Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa

P210

Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P273

Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280	Mặc/ đeo găng tay chống mòn rách/ quần áo bảo hộ/ kính bảo vệ mắt/ mặt nạ/ thiết bị bảo vệ tai.
P301 + P310	NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P303 + P361 + P353	NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P331	KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung	không có gì

Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H304

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

H412

Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa

P301 + P310

NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

P331

KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Tên thông thường : Xylene mixture of isomers

Công thức : C₈H₁₀

Trọng lượng phân tử : 106.17 g/mol

Thành phần		Phân loại	Nồng độ
Xylene			
Số CAS	1330-20-7	Flam. Liq. 3; Acute Tox. 4;	<= 100 %
Số EC	215-535-7	Skin Irrit. 2; Eye Irrit. 2;	

Chi số-Số	601-022-00-9	STOT SE 3; STOT RE 2; Asp. Tox. 1; Aquatic Chronic 3; H226, H332, H312, H315, H319, H335, H373, H304, H412	
Ethylbenzene			
Số CAS	100-41-4	Flam. Liq. 2; Acute Tox. 4;	≥ 20 - < 25 %
Số EC	202-849-4	STOT RE 2; Asp. Tox. 1;	
Chi số-Số	601-023-00-4	Aquatic Chronic 3; H225, H332, H373, H304, H412	

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rùi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng. Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

chưa có dữ liệu

Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Carbon đioxit (CO₂) Bột Bột khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Carbon ôxit

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ tăng lên.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. T an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

5.4 Thông tin khác

Di chuyển bình chữa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo y'kiến chuyên gia.

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Sử dụng cẩn thận vật chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ: Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Vệ sinh khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Để xử lý, xem phần 13.

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU). Kính bảo hộ

Bảo vệ da

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu dụng được chỉ định. Khi hoà tan hoặc trộn với các hóa chất kha tiếp xúc phun

Vật liệu: Viton®

Độ dày lớp tối thiểu 0.7 mm

Thời gian thẩm: 480 min

Vật liệu được thử nghiệm Vitoject® (KCL 890 / Aldrich Z677698, Cỡ M)

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu dụng được chỉ định. Khi hoà tan hoặc trộn với các hóa chất kha liên hệ đầy đủ

Vật liệu: Viton®

Độ dày lớp tối thiểu 0.7 mm

Thời gian thẩm: 480 min

Vật liệu được thử nghiệm Vitoject® (KCL 890 / Aldrich Z677698, Cỡ M)

Bảo vệ cơ thể

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành

Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- | | |
|-----------------------------------|--|
| a) Trạng thái | Hình thể: trong suốt, thể lỏng
Màu sắc: không màu |
| b) Mùi đặc trưng | chưa có dữ liệu |
| c) Ngưỡng mùi | chưa có dữ liệu |
| d) Độ pH | chưa có dữ liệu |
| e) Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | Điểm/khoảng nóng chảy: 171 - 172 °C |
| f) Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu | 137 - 140 °C - tliệu. |
| g) Điểm cháy | 25 °C - cốc kín |
| h) Tỷ lệ hóa hơi | chưa có dữ liệu |
| i) Khả năng bắt cháy | chưa có dữ liệu |

(chất rắn, khí)

- | | |
|---|--|
| j) Giới hạn trên/dưới của tính dễ cháy hoặc dễ nổ | Giới hạn trên của cháy nổ: 7.0 %(V)
Giới hạn dưới của cháy nổ: 1.1 %(V) |
| k) Áp suất hóa hơi | 23.99 hPa ở 37.70 °C |
| l) Mật độ hơi | 3.67 - (Khí = 1.0) |
| m) Tỷ trọng tương đối | chưa có dữ liệu |
| n) Độ hòa tan trong nước | 0.1705 g/l ở 25 °C - hòa tan một phần |
| o) Hệ số phân tán: n-octanol/nước | log Pow: 3.12 ở 20 °C - Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. |
| p) Nhiệt độ tự bốc cháy | 463 °C
ở 1,013 hPa |
| q) Nhiệt độ phân hủy | chưa có dữ liệu |
| r) Độ nhớt | Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động lực: 0.76 mPa.s ở 25.00 °C |
| s) Đặc tính cháy nổ | chưa có dữ liệu |
| t) Đặc tính ôxy hóa | chưa có dữ liệu |

9.2 Thông tin an toàn khác

Tỷ trọng hơi tương đối 3.67 - (Khí = 1.0)

Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ khi nhiệt độ tăng mạnh.

10.2 Tính ổn định

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Phản ứng nguy hiểm

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Các chất oxy hóa mạnh

Axit

lưu huỳnh

axit sulfuric đặc

Rủi ro của phản ứng tỏa nhiệt/nổ với:

urani hexafluorua

10.4 Các điều kiện cần tránh

Đun nóng.

10.5 Vật liệu không tương thích

chưa có dữ liệu

10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

Phần 11: Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc cấp tính

Đường miệng: chưa có dữ liệu

LD50 Đường miệng - Chuột - con đực - 3,523 mg/kg

(Chỉ thị của Ủy Ban Châu Âu 92/69/EEC B.1 Độc tính cấp (Đường miệng))

Ghi chú: (ECHA)

Ước lượng độc tính cấp Hít phải - 4 h - 11 mg/l

(Phương pháp tính toán)

LC50 Hít phải - Chuột - con đực - 4 h - 29.09 mg/l

(Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.2)

Ghi chú: (Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI)

Ước lượng độc tính cấp Da - 1,101 mg/kg

(Phương pháp tính toán)

LD50 Da - Thỏ - > 1,700 mg/kg

Ghi chú: (RTECS)

Ăn mòn/kích ứng da

Da - Thỏ

Kết quả: Kích ứng da vừa phải - 24 h

Ghi chú: IUCLID)

Hiệu ứng mất nước khiến da bị thô và nứt nẻ. Sau khi tiếp xúc lâu với hóa chất: Viêm da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Mắt - Thỏ

Kết quả: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. - 24 h

Ghi chú: (RTECS)

Kích thích hô hấp hoặc da

Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA) - Chuột nhắt

Kết quả: Âm tính

(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429)

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Loại kiểm nghiệm: Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.10

Kết quả: Âm tính

Ghi chú: (Chương Trình Độc Học Quốc Gia)

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames

Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm trao đổi nhiễm sắc tử chị em

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.19

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: phương pháp liều gây chết trội

Loài: Chuột nhắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 478

Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư

chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản

chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Có thể gây kích ứng hô hấp. - Hệ hô hấp

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Hít phải - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. - Hệ thần kinh trung ương, Gan, Thận

Nguy hại hô hấp

chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

Lượng độc lặp lại - Chuột - Đực và cái - Đường miệng - 90 d - Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được - 150 mg/kg - Mức ảnh hưởng có hại thấp nhất có thể quan sát được - 150 mg/kg

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ. Thị lực kém, Mất điều hòa., Đau đầu, Buồn nôn, Nôn mửa, Chóng mặt, Yếu, thiếu máu, Phơi nhiễm kéo dài hoặc nhiều lần với da gây ra tình trạng giảm mỡ và viêm da.

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

Sau khi hấp thụ:

Ảnh hưởng hệ thống:

Đau đầu

tình trạng lơ mơ

Chóng mặt

lo âu, co thắt

mê man

say rượu

Tác dụng tiềm tàng bởi: ethanol

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12: Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

chưa có dữ liệu

Độc đối với cá Thử nghiệm tính LC50 - *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng) - 2.60 mg/l - 96 h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203)

Độc đối với tảo Thử nghiệm tính EC50 - *Pseudokirchneriella subcapitata* - 4.36 mg/l - 73 h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201)

Độc tính đối với vi khuẩn Ghi chú: (ECHA)
(Xylene)

12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

12.4 Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

12.6 Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

14.1 Số hiệu UN

ADR/RID: 1307

IMDG: 1307

IATA: 1307

14.2 Tên vận chuyển đường biển

ADR/RID: XYLENES

IMDG: XYLENES

IATA: Xylenes

14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: 3

IMDG: 3

IATA: 3

14.4 Nhóm hàng

ADR/RID: III

IMDG: III

IATA: III

Những thay đổi liên quan kể từ phiên bản trước**2. Nhận dạng các nguy cơ****Thông tin khác**

Bản quyền 2022 của Công Ty TNHH Sx Tm Quang Trung. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. QuangTrungChem và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.quangtrungchem.com.vn và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ hoachatquangtrung@gmail.com.